TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN THỚI LAI	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
THÀNH PHỐ CẦN THƠ	

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST
Ngày 05 - 3 - 2025
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi dưỡng con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tuấn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Hồng Hạnh.

2. Bà Trần Thị Minh Hiền.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Võ Tường Vy – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 05 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi dưỡng con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 844/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2025/QĐST ngày 05 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Lê Thị Thanh T**, sinh năm 1980. Có mặt

Địa chỉ: ấp Đ G A, xã Đ B, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Ông **Đinh Văn C**, sinh năm 1976. Vắng mặt

Địa chỉ: ấp Đ G A, xã Đ B, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của các đương sự, vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Lê Thị Thanh T với ông Đinh Văn C tự nguyện tìm hiểu rồi tiến tới xây dựng hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Xuân, huyện Thới Lai vào ngày 18/12/2002. Vợ chồng chung sống với nhau có 03 con chung là Đinh Lê TT, sinh ngày 01/01/2000 (nam); Đinh Lê T K, sinh ngày 01/01/2004 (nam); Đinh Lê T L, sinh ngày 30/4/2013 (nam). Đến năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông C không đi làm để lo kinh tế gia đình mà tụ tập nhậu nhẹt, không

quan tâm đến vợ con, bà đã bỏ về cha mẹ ruột và đem theo con sinh sống từ đó đến nay. Nay bà khởi kiện yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Đinh Văn C.

- Về con chung: có 03 con chung là Đinh Lê TT, sinh ngày 01/01/2000 (nam) đã trưởng thành; Đinh Lê T K, sinh ngày 01/01/2004 (nam) đã trưởng thành; Đinh Lê T L, sinh ngày 30/4/2013 (nam). Hiện tại các con đang sống với bà, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi Đinh Lê T L đến trưởng thành, không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Lê Thị Thanh T khởi kiện xin ly hôn với ông Đinh Văn C nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình; bị đơn cư trú ấp Đông Giang A, xã Đông Bình, huyện Thới Lai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Thới Lai quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a K1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, nên xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông C tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Xuân, huyện Thới Lai, TP Cần Thơ vào ngày 29/3/2004 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên tắc của hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc; các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét bà T trình bày, do ông C tụ tập nhậu nhẹt, không kiếm việc làm để lo cho cuộc sống, bỏ mặc vợ con. Ông C đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy ông không còn thiết tha gì đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T. Qua đó thể hiện, mâu thuẫn gia đình anh chị thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nay bà T yêu cầu xin ly hôn với ông C là có căn cứ nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: có 03 con chung là Đinh Lê TT, sinh ngày 01/01/2000 (nam) đã trưởng thành; Đinh Lê T K, sinh ngày 01/01/2004 (nam)

đã trưởng thành; Đinh Lê T L, sinh ngày 30/4/2013 (nam). Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Long đến trưởng thành, không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bà T nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh T. Bà Lê Thị Thanh T được ly hôn với ông Đinh Văn C.

2. Về con chung: có 03 con chung là Đinh Lê TT, sinh ngày 01/01/2000 (nam) đã trưởng thành; Đinh Lê T K, sinh ngày 01/01/2004 (nam) đã trưởng thành; Đinh Lê T L, sinh ngày 30/4/2013 (nam). Giao cháu Đinh Lê T L cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom con chung cho ông C theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở ông C thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0004367 ngày 25/9/2024 (bà T đã thực hiện xong).

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án nguyên đơn được quyền kháng cáo; kể từ ngày bị đơn nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Thới Lai;
- Chi cục THADS H. Thới Lai;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBND xã Trường Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án

Bùi Tuấn Kiệt